TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:179 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 07/8/2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Đoan và bà Bùi Thị Vân Ngọc

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung –Thẩm tra viên Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên toà số 30/2024/QĐST-HN&GĐ ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989;

HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện Phú Xuyên, Hà Nội

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1989;

HKTT và cư trú: Thôn L, xã P, huyện Phú Xuyên, Hà Nội.

Chị H có mặt; anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/6/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thị H trình bày:

Chị kết hôn với với anh Trần Văn N từ năm 2015 là hôn nhân tự nguyện tiến bộ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống hòa thuận tại thôn L, xã P, huyện Phú Xuyên được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên xảy ra to tiếng, xô xát... Đến năm 2019, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng, không thể hoá giải nên chị đã chuyển về nhà ngoại sinh sống và ly thân anh N cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu… nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức T, sinh ngày 01/01/2016 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị mong muốn được nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh Nhâm phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Chị H khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần ai nên không yêu cầu giải quyết.

Về phía bị đơn Trần Văn N:

Quá trình tố tụng, anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ổn định tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh N vẫn cố tình không đến Tòa làm việc.

Làm việc với mẹ đẻ anh N là bà Trần Thị L, bà L cho biết:

Quá trình chung sống tại gia đình bà, vợ chồng anh N chị H thường xuyên cãi vã, to tiếng xúc phạm lẫn nhau, nguyên nhân là do không hoà hợp. Mâu thuẫn trầm trọng khiến chị H chuyển về nhà ngoại từ năm 2019 đến nay. Bản thân anh N chán nản chuyện gia đình nên cũng bỏ đi làm ăn, thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Anh N nhận được các thông báo, triệu tập của Toà án do bà trực tiếp giao, nhưng có ý giấu giếm địa chỉ và cũng dăn bà không cho ai biết địa chỉ của anh N.

Thông qua nói chuyện với anh N, quan điểm của bà và anh N là đề nghị Toà án giải quyết cho hai bên được ly hôn nhau; Tài sản chung, công nợ chung không có gì; Con chung của vợ chồng thì đề nghị giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Xác minh tại UBND xã P nơi vợ chồng chị H sinh sống, xác định:

Chị H, anh N kết hôn với nhau từ năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã P; Quá trình chung sống, vợ chồng vẫn phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xô xát, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung; Vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2019 đến nay; Tại thời điểm xác minh, anh N, chị H vẫn đang cư trú, sinh sống bình thường tại địa phương.

Do mẫu thuẫn đã trầm trọng, lại đã ly thân... đề nghị Toà án giải quyết các vấn đề về hôn nhân, con cái cho phù hợp quy định của pháp luật.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng, UBND xã không nắm rõ nhưng không thấy có tranh chấp gì liên quan đến tài sản công nợ chung của hai bên.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; Giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Tạm miễn cho anh N việc cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và công nợ chung nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Phú Túc, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh N đều vắng mặt. Vì vậy, theo quy định của các Điều 227, điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Năm 2015, chị Phạm Thị H kết hôn với anh Trần Văn N. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội (Đăng ký số 009/2015 ngày 20 tháng 3 năm 2015). Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Do mâu thuẫn quá trầm trọng, chị H đã chuyển về nhà ngoại sinh sống từ năm 2019 và chấm dứt mọi liên hệ với anh N.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh N đều cố tình vắng mặt không có lý do, không tham gia các cuộc hoà giải do Toà án tiến hành.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng từ lâu đã không còn, thời gian ly thân đã 5 năm, phía anh N có thái độ bỏ mặc, không thiện chí hoà giải, không mong muốn đoàn tụ… Vì thế mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh N chị H có 01 con chung là là Trần Đức T, sinh ngày 01/01/2016.

Xét thấy: Bản thân chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung và được gia đình anh N đồng ý; Hiện cháu T đang ở cùng chị H và có nguyện vọng được ở cùng mẹ; Chị H có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung... Vì vậy, để phù hợp nguyện vọng cũng như sự ổn định, phát triển của con chung nên giao con chung là Trần Đức T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Do chị H không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4].Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, bà L khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu xét nên không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Hoa phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Đức T, sinh ngày 01/01/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các bên không đề nghị nên không xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án

phí theo biên lai thu tiền số 0015497 ngày 17/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội*
- *VKSND huyện Phú Xuyên*
- *Chi cục THA huyện Phú Xuyên*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phùng Văn Phong